

Số: 1520/BDTTG-VP

Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2025

V/v trả lời kiến nghị cử tri gửi tới
Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV

ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI TỈNH QUẢNG NGÃI

CÔNG SỐ:.....

VĂN ĐẾN Ngày: 08/8/2025

Lưu hồ sơ số:.....

Chuyển:.....

Kính gửi: Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Ngãi
(Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Kon Tum cũ)

Bộ Dân tộc và Tôn giáo nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Kon Tum (nay là tỉnh Quảng Ngãi) do Văn phòng Chính phủ chuyển đến tại Công văn số 6350/VPCP-QHĐP ngày 09/7/2025, nội dung như sau:

(1) Hiện nay, nhu cầu kinh phí chi trả các chính sách cho đối tượng sống ở thôn đặc biệt khó khăn thuộc xã đã được công nhận nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Kon Tum còn thiếu khoảng 28 tỷ đồng¹. Kính đề nghị Bộ Tài chính quan tâm, hướng dẫn, xem xét cấp bổ sung nguồn kinh phí thực hiện chi trả các chính sách tại thôn đặc biệt khó khăn thuộc xã đã được công nhận nông thôn mới nêu trên, cụ thể: cấp 70% nhu cầu kinh phí nêu trên để địa phương đảm bảo nguồn thực hiện, phần còn lại địa phương chủ động cân đối trong dự toán kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội được cấp thẩm quyền giao và nguồn ngân sách địa phương để triển khai thực hiện chi trả cho các đối tượng thụ hưởng (bao gồm kinh phí truy lĩnh cho đối tượng là công chức, viên chức, học sinh và các đối tượng khác... các năm trước đây (từ năm 2021 đến năm 2024) chưa được thụ hưởng chính sách. Kết thúc năm, địa phương sẽ tổng hợp vào quyết toán kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội (có xác nhận của cơ quan Kho bạc đồng cấp) báo cáo Bộ Tài chính thẩm định và xử lý, bổ sung kinh phí còn thiếu cho địa phương theo quy định. Hoặc địa phương tổng hợp toàn bộ nhu cầu chi trả cho các đối tượng thụ hưởng gửi Bộ Tài chính thẩm định, xử lý cấp bổ sung kinh phí cho địa phương để địa phương tổ chức chi trả theo quy định. (Kiến nghị số 3, mục Kiến nghị với Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, lĩnh vực tài chính, đầu tư, Công văn số 1530/UBND-KTTH ngày 05/5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum đính kèm Công văn số 41/ĐĐBQH-CTQH ngày 17/6/2025 của Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Kon Tum).

¹ khoảng 16 tỷ đồng cho các chính sách thuộc sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề (hỗ trợ học sinh phổ thông trung học vùng đặc biệt khó khăn theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ khoảng 10,6 tỷ đồng; hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí theo quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 28/7/2021 và Nghị định 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 khoảng 4 tỷ đồng; chính sách phát triển mầm non theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 khoảng 1,4 tỷ đồng); các chính sách cho cán bộ công chức khoảng 12 tỷ đồng (chính sách thu hút khoảng 3 tỷ đồng; chính sách phụ cấp ưu đãi khoảng 3,5 tỷ đồng và chính sách phụ cấp lâu năm khoảng 5,5 tỷ đồng theo Nghị định 76/2019/NĐ-CP của Chính phủ).

(2) Về đối tượng thụ hưởng của Tiểu dự án 1 Dự án 3 của chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021-2025, hiện nay chỉ áp dụng cho hộ gia đình, cộng đồng thuộc xã khu vực II, III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Tuy nhiên, nhiều xã khi đạt chuẩn nông thôn mới sẽ chuyển thành xã khu vực I, không còn thuộc đối tượng hỗ trợ, dù trên thực tế vẫn còn nhiều thôn đặc biệt khó khăn có nhu cầu tham gia bảo vệ và phát triển rừng. Kính đề nghị Chính phủ xem xét mở rộng đối tượng thụ hưởng, bổ sung các thôn đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực I vào phạm vi hỗ trợ của Tiểu dự án 1. (Kiến nghị số (4), mục Kiến nghị với Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, lĩnh vực nông nghiệp môi trường, Công văn số 1530/UBND-KTTH ngày 05/5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum đính kèm Công văn số 41/ĐĐBQH-CTQH ngày 17/6/2025 của Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Kon Tum).

Bộ Dân tộc và Tôn giáo trả lời như sau:

(1) Tại Nghị định số 41/2025/NĐ-CP ngày 26/2/2025 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Dân tộc và Tôn giáo: Bộ Dân tộc và Tôn giáo không có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn xem xét, cấp kinh phí nguồn ngân sách nhà nước cho các địa phương. Chức năng và quyền hạn về quản lý ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính (khoản 6, Điều 2, Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24/2/2025 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính).

Các chính sách hỗ trợ học sinh phổ thông trung học vùng đặc biệt khó khăn thực hiện theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ; hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí thực hiện theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 28/7/2021 và Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ; chính sách phát triển mầm non thực hiện theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 được Chính phủ giao Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện. Chính sách cho cán bộ công chức thực hiện theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ được Chính phủ giao Bộ Nội vụ chủ trì, hướng dẫn tổ chức thực hiện.

Về hướng dẫn việc thực hiện chính sách ở thôn đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực III, khu vực II khi được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: Ủy ban Dân tộc (nay là Bộ Dân tộc và Tôn giáo) đã có Công văn số 59/UBNDT-CSDT ngày 12/02/2024 gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, Bộ Tài chính trong đó đã hướng dẫn cụ thể “Đối với các thôn, ấp đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực I,

khu vực II, khu vực III (kể cả thôn đặc biệt khó khăn thuộc xã đạt chuẩn nông thôn mới) tiếp tục được thụ hưởng các chính sách đối với thôn đặc biệt khó khăn” (gửi kèm theo).

(2) Trong quá trình tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh một số nội dung của Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021, một số địa phương có đề nghị mở rộng đối tượng hỗ trợ cho các xã khu vực I thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 3 của Chương trình (do Bộ Nông nghiệp và Môi trường là chủ dự án thành phần), về việc này, tại công văn số 4012/BNMT-PC ngày 03/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường gửi Văn phòng Chính phủ về việc ý kiến đối với các kiến nghị của cử tri tỉnh Kon Tum đã nêu:

“Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) đã ban hành Thông tư số 22/2024/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 12 năm 2024 quy định một số nội dung về lâm nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, trên cơ sở các quy định, mức đầu tư bảo vệ rừng theo quy định của Nghị định số 58/2024/NĐ-CP và nội dung, nhiệm vụ của từng Chương trình; theo đó, để đảm bảo thống nhất, không trùng lặp, chồng chéo nguồn kinh phí bảo vệ rừng, đối với diện tích rừng đặc dụng giao cho Ban quản lý rừng đặc dụng quản lý được sử dụng kinh phí trong Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững, không sử dụng kinh phí trong Tiểu dự án 1, dự án 3 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

Để hỗ trợ cho công tác bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh, trong đó có diện tích rừng do Ban quản lý rừng đặc dụng quản lý, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các đơn vị tham mưu trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách, quyết định mức đầu tư phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương. Ưu tiên bố trí ngân sách của địa phương, cùng với nguồn hỗ trợ của ngân sách trung ương, nguồn chi trả dịch vụ môi trường rừng, các nguồn huy động hợp pháp khác để triển khai hiệu quả công tác bảo vệ và phát triển rừng theo đúng các quy định”.

Bộ Dân tộc và Tôn giáo thống nhất với ý kiến nêu trên của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Cụ thể, việc hỗ trợ cho công tác bảo vệ và phát triển rừng cho các đối tượng tại các xã khu vực I được thực hiện trong Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định số 809/QĐ-TTg

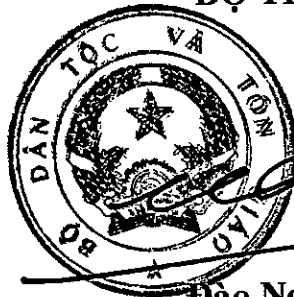
ngày 12/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Như vậy, để tránh trùng lặp nguồn kinh phí hỗ trợ bảo vệ và phát triển rừng trong nội dung Tiểu dự án 1, Dự án 3, Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 (được điều chỉnh tại Quyết định số 920/QĐ-TTg ngày 14/5/2025) của Thủ tướng Chính phủ chỉ quy định các đối tượng thụ hưởng tại vùng II, vùng III, không mở rộng các đối tượng được thụ hưởng thêm là các xã vùng I đã được quy định tại Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025. Trong quá trình tổ chức triển khai hiện các nội dung liên quan đến việc bảo vệ và phát triển rừng, nếu địa phương còn có những khó khăn, vướng mắc đề nghị trao đổi với Bộ Nông nghiệp và Môi trường để được xem xét giải quyết theo thẩm quyền.

Trên đây là trả lời của Bộ Dân tộc và Tôn giáo, trân trọng gửi tới Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Ngãi để trả lời kiến nghị của cử tri./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Ủy ban Dân nguyện và Giám sát của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Trường đoàn ĐBQH tỉnh Quảng Ngãi;
- Trường đoàn ĐBQH tỉnh Kon Tum (cũ);
- Các Thứ trưởng;
- Bộ DTTG: Vụ CS, VPQGDTMN, Công TTĐT;
- Lưu: VT, THTTĐKT(LTK).

BỘ TRƯỞNG



Đào Ngọc Dung